

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KV6-VL

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2026.

V/v "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6 - VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn V.

Ông Nguyễn Văn B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Th - Thư ký Tòa án nhân dân KV6 - VL

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6 - VL xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1978; Số CCCD: 077178000959; Địa chỉ: ấp C, xã AT, thành phố HCM (địa chỉ trước đây: ấp C, xã TT, huyện DT, tỉnh BD). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978; Số CCCD: 083078016457; Địa chỉ: ấp HT, Xã HKT, tỉnh VL (địa chỉ trước đây: ấp HT, xã VH, huyện CL, tỉnh BT). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Lê Văn T do mai mối, tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã VH vào ngày 03/6/2010. Sau khi cưới, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn và vợ chồng cũng đã sống ly

thân từ đó đến nay mà không thể hàn gắn được. Bà M thì về sinh sống cùng cha mẹ ruột ở BD, còn ông T thì vẫn sinh sống tại nhà ấp HT, xã HKT, tỉnh VL.

Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T có địa chỉ tại ấp HT, xã HKT, tỉnh VL. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân KV6 - VL theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự ; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thị Tuyết M và bà Lê Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là xã HKT, tỉnh VL) vào ngày 03/6/2010 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà M cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà M và bà T sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Do đó, bà M xác định tình cảm vợ chồng giữa bà M với ông T không còn nên bà M cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Còn ông T mặc dù đã được Tòa án mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên hàn gắn gia đình cho bà M và ông T, nhưng ông T vẫn

cổ tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ, bản thân ông T không mong muốn hàn gắn gia đình với bà M.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M với ông T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[3.2] Về con chung: Bà M tự khai trong quá trình chung sống, bà và ông T không có con chung nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: bà M tự khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 264, 265, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với ông Lê Văn T. Cụ thể tuyên:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Lê Văn T.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005512 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh VL là đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT, TT và THA TAND tỉnh VL;
- VKSND KV6 - VL;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HSV&VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)